

**CÔNG TY CỔ PHẦN ASA**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2021**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 24

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ASA (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Cao Tấn Thành	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10/09/2021)
Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 10/09/2021)
Ông Nguyễn Khoa Đức	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/09/2021)
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/09/2021)
Ông Đỗ Đình Sơn Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/09/2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/09/2021)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Khoa Đức	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/08/2021)
Ông Phạm Trung Kiên	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/08/2021)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 10/09/2021)
Bà Nguyễn Thị Tố Loan	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 10/09/2021)
Bà Lê Thị Huyền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/09/2021)
Bà Trần Thúy Quỳnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/09/2021)

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Khoa Đức – Tổng Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ASA**

Áp Kim Ngưu, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng yên

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
M.S.D.N: 0500471991  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ASA  
HƯNG YÊN  
**Nguyễn Khoa Đức**  
Tổng Giám đốc  
Hưng Yên, ngày 11 tháng 10 năm 2021



Số: 101101/2021/BCSX-iCPA

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần ASA

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần ASA (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 10 năm 2021, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Thành - Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ATC, với báo cáo kiểm toán đề ngày 05 tháng 07 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có vấn đề cần nhấn mạnh.



**Trần Thiện Thanh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>33.149.251.872</b>	<b>63.162.280.451</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>549.909.688</b>	<b>136.675.045</b>
1. Tiền	111		549.909.688	136.675.045
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.040.982.328</b>	<b>59.270.500.877</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	19.833.025.809
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		100.000.000	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	39.074.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.2a	2.940.982.328	363.475.068
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>29.500.577.187</b>	<b>3.691.785.500</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.500.577.187	3.691.785.500
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>57.782.669</b>	<b>63.319.029</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.3a	41.431.535	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.351.134	30.192.565
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	-	33.126.464
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.042.862.401</b>	<b>41.012.528.506</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>71.050.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.2b	71.050.000.000	40.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>944.104.068</b>	<b>1.012.528.506</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	944.104.068	1.009.528.506
- Nguyên giá	222		2.938.230.357	2.938.230.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.994.126.289)	(1.928.701.851)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	-	3.000.000
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(27.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>48.758.333</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3b	48.758.333	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>105.192.114.273</b>	<b>104.174.808.957</b>






**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>851.831.109</b>	<b>154.532.488</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>851.831.109</b>	<b>154.532.488</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	508.237.187	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	63.288.434	-
3. Phải trả người lao động	314		122.731.000	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.042.000	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		154.532.488	154.532.488
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>104.340.283.164</b>	<b>104.020.276.469</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.9</b>	<b>104.340.283.164</b>	<b>104.020.276.469</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		597.828.710	597.828.710
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.742.454.454	3.422.447.759
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.422.447.759	3.296.129.453
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		320.006.695	126.318.306
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>105.192.114.273</b>	<b>104.174.808.957</b>

  
Hoàng Cúc  
Người lập

  
Lê Thị Mơ  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Khoa Đức  
Tổng Giám đốc  
Ngày 11 tháng 10 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	27.964.006.143	68.256.720.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.964.006.143	68.256.720.428
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.927.147.077	68.066.982.513
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.859.066	189.737.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	814.064.012	209.651.040
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	434.272.785	705.904.304
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		416.650.293	(306.515.349)
11. Thu nhập khác	31		-	701.229
12. Chi phí khác	32		228.700	232.315
13. Lợi nhuận khác	40		(228.700)	468.914
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		416.421.593	(306.046.435)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	96.414.898	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		320.006.695	(306.046.435)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	32	(31)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	32	(31)

Hoàng Cúc  
Người lập

Lê Thị Mơ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Đức  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 10 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	416.421.593	(306.046.435)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	68.424.438	68.424.438
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(614.064.012)	(209.651.040)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(129.217.981)	(447.273.037)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(13.233.481.364)	(9.497.188.079)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(25.808.791.687)	11.434.591.344
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	600.883.723	(4.085.936.829)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(90.189.868)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(60.996.926)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(38.660.797.177)	(2.656.803.527)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.074.000.000	11.180.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.820	209.651.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	39.074.031.820	11.389.651.040
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	413.234.643	8.732.847.513
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	136.675.045	210.822.788
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	549.909.688	8.943.670.301

Hoàng Cúc  
Người lập

Lê Thị Mơ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Đức  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 10 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần ASA (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500471991 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2007 và các lần thay đổi. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 30 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại Ấp Kim Ngưu, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 07 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 02 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là bán buôn thực phẩm đông lạnh và hàng hóa tổng hợp.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có Văn phòng giao dịch tại Tầng 5, tòa nhà Nam Long, số 66A Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại 118/2 Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, mã số thuế là 0500471991-001 đã ngừng hoạt động và đang thực hiện thủ tục giải thể, đóng mã số thuế. Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, Chi nhánh này không phát sinh bất cứ nghiệp vụ kinh tế nào có liên quan đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Phần mềm kế toán	05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	397.935.226	134.240.134
Tiền gửi ngân hàng	151.974.462	2.434.911
<b>Cộng</b>	<b>549.909.688</b>	<b>136.675.045</b>

**2. Phải thu khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	2.200.000.000	-
- Ông Phạm Trung Kiên	2.000.000.000	-
- Đối tượng khác	200.000.000	-
Phải thu khác	740.982.328	363.475.068
- Phải thu lãi vay	677.507.260	63.475.068
- Phải thu ông Trần Quốc Tuấn lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	300.000.000
- Các khoản khác	63.475.068	-
<b>Cộng</b>	<b>2.940.982.328</b>	<b>363.475.068</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Góp vốn hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC)	71.000.000.000	40.000.000.000
- Ông Trần Quốc Tuấn (*)	-	40.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ MIVI Hòa Bình (**)	31.000.000.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Trung Á (***)	40.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	50.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>71.050.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>c) Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số VII.1)</b>	<b>2.549.493.561</b>	<b>57.733.562</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**2. Phải thu khác (Tiếp theo)**

(\*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2018/BCC/TQT-ASA ngày 30/11/2018, Công ty và ông Trần Quốc Tuấn cùng nhau hợp tác thực hiện Dự án xây dựng nhà ở thương mại và cho thuê tại số 26 Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và tại phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tổng vốn đầu tư của Dự án là 81.975.300.000 đồng, trong đó Công ty góp 40.000.000.000 đồng và được hưởng 50% lợi nhuận sau thuế của dự án. Theo báo cáo tiến độ thực hiện dự án của ông Trần Quốc Tuấn, Dự án đã hoàn thành và bán một số chung cư và tạm phân chia lợi nhuận cho Công ty là 300.000.000 đồng (số tiền này Công ty đã nhận được trong quý I năm 2020). Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh với ông Trần Quốc Tuấn, thu hồi lại toàn bộ số tiền đã góp vốn và lợi nhuận đến thời điểm thanh lý hợp đồng.

(\*\*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1606/2021/MIVIHB-ASA ngày 16/06/2021, Công ty và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ MIVI Hòa Bình cùng hợp tác để thực hiện Dự án tại mỏ đá với núi Rang (KV1), xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng số vốn đầu tư là 62.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty góp vốn 31.000.000.000 đồng và được hưởng 50% lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 03 năm kể từ ngày góp vốn.

(\*\*\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 26/HĐ/ASA-TRUNGA ngày 26/04/2021, Công ty và Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Trung Á cùng nhau góp vốn để đầu tư thực hiện Dự án Khu du lịch Trung Á, thuộc xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4764666838 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 12/09/2000 và thay đổi lần thứ 3 ngày 15/03/2019, chủ đầu tư của Dự án này là Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Trung Á. Tổng vốn đầu tư của Dự án tạm xác định tại thời điểm ký kết là 250 tỷ đồng. Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Trung Á góp vốn bằng quyền thuê đất giá trị 98 tỷ đồng, Công ty góp vốn bằng tiền 40 tỷ đồng. Mỗi bên được hưởng lợi nhuận từ Dự án khi Dự án được quyết toán theo quy định. Bên cạnh đó, Công ty được quyền tạm ứng lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ vốn góp khi Dự án có phát sinh lợi nhuận.

**3. Chi phí trả trước**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.562.122	-
Chi phí thuê văn phòng	25.000.000	-
Chi phí trả trước khác	3.869.413	-
<b>Cộng</b>	<b>41.431.535</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	48.758.333	-
<b>Cộng</b>	<b>48.758.333</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	2.938.230.357	2.938.230.357
Tại ngày cuối kỳ	2.938.230.357	2.938.230.357
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	1.928.701.851	1.928.701.851
Khấu hao trong kỳ	65.424.438	65.424.438
Tại ngày cuối kỳ	1.994.126.289	1.994.126.289
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	1.009.528.506	1.009.528.506
Tại ngày cuối kỳ	944.104.068	944.104.068

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 321.252.855 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 321.252.855 đồng).

**5. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	30.000.000	30.000.000
Tại ngày cuối kỳ	30.000.000	30.000.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	27.000.000	27.000.000
Khấu hao trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Tại ngày cuối kỳ	30.000.000	30.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	3.000.000	3.000.000
Tại ngày cuối kỳ	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 30.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ASA**

Ấp Kim Ngưu, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang  
Tỉnh Hưng Yên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. Hàng tồn kho**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	29.500.577.187	-	3.691.785.500	-
<b>Cộng</b>	<b>29.500.577.187</b>	<b>-</b>	<b>3.691.785.500</b>	<b>-</b>

**7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu ABP Việt Nam	500.577.187	500.577.187	-	-
Các đối tượng khác	7.660.000	7.660.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>508.237.187</b>	<b>508.237.187</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ASA**

Ấp Kim Ngưu, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang  
Tỉnh Hưng Yên

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	30/06/2021	Số phải nộp	Số đã thực nộp/ được khấu trừ	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	33.126.464	-	33.126.464
<b>Cộng</b>	-	<b>33.126.464</b>	-	<b>33.126.464</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	370.458.400	370.458.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.288.434	63.288.434	-	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>63.288.434</b>	<b>437.746.834</b>	<b>374.458.400</b>	-

**9. Vốn chủ sở hữu****a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	597.828.710	3.296.129.453	103.893.958.163
Lãi trong năm	-	-	126.318.306	126.318.306
Số dư tại 01/01/2021	100.000.000.000	597.828.710	3.422.447.759	104.020.276.469
Lãi trong kỳ	-	-	320.006.695	320.006.695
Số dư tại 30/06/2021	100.000.000.000	597.828.710	3.742.454.454	104.340.283.164



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**9. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Lưu Quang Hưng	9.990.000.000	9.990.000.000
Lê Minh Quân	6.500.000.000	6.500.000.000
Cao Tấn Thành	5.352.000.000	5.352.000.000
Đỗ Hoàng Việt	5.219.000.000	5.219.000.000
Vũ Đình Hưng	4.983.000.000	4.983.000.000
Nguyễn Ngọc Anh	4.796.000.000	4.796.000.000
Cổ đông khác	63.160.000.000	63.160.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu bán hàng	27.964.006.143	68.136.720.428
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.964.006.143</b>	<b>68.256.720.428</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn hàng bán	27.927.147.077	68.066.982.513
<b>Cộng</b>	<b>27.927.147.077</b>	<b>68.066.982.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	614.064.012	209.651.040
Doanh thu hoạt động tài chính khác	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>814.064.012</b>	<b>209.651.040</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lương và các khoản trích theo lương	273.689.340	143.111.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.424.438	68.424.438
Chi phí công cụ dụng cụ	6.872.272	-
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.238.039	473.739.109
Chi phí bằng tiền khác	8.048.696	16.629.507
<b>Cộng</b>	<b>434.272.785</b>	<b>705.904.304</b>

**5. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	416.421.593	(306.046.435)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	65.652.898	232.315
Các khoản chi không được trừ	65.652.898	232.315
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>482.074.491</b>	<b>-</b>
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN	96.414.898	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>96.414.898</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	320.006.695	(306.046.435)
Trừ: Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	320.006.695	(306.046.435)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên một cổ phiếu	32	(31)

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.872.272	-
Chi phí nhân công	273.689.340	143.111.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.424.438	68.424.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.238.039	473.739.109
Chi phí khác bằng tiền	12.048.696	20.629.507
<b>Cộng</b>	<b>434.272.785</b>	<b>705.904.304</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Thương mại An Bình

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư An Bình

Bà Trần Thúy Quỳnh  
 Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Phạm Trung Kiên

**Mối quan hệ**

Bên liên quan với Trưởng ban kiểm soát  
 Bà Nguyễn Thị Tố Loan

Bên liên quan với ông Chu Minh Tuấn -  
 Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày  
 10/09/2021)

Thành viên Ban kiểm soát  
 Bên liên quan với Trưởng ban kiểm soát  
 Bà Nguyễn Thị Tố Loan

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày  
 16/08/2021)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Thu hồi gốc cho vay</b>	<b>27.260.000.000</b>	-
Bà Trần Thúy Quỳnh	12.431.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hương	14.829.000.000	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>2.000.000.000</b>	-
Ông Phạm Trung Kiên	2.000.000.000	-
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>	-	<b>120.000.000</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Thương mại An Bình	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư An Bình	-	60.000.000
<b>Lãi cho vay phát sinh</b>	<b>428.284.931</b>	-
Bà Trần Thúy Quỳnh	195.657.945	-
Bà Nguyễn Thị Hương	232.626.986	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu về cho vay</b>	-	<b>27.260.000.000</b>
Bà Trần Thúy Quỳnh	-	12.431.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	-	14.829.000.000
<b>Phải thu lãi cho vay</b>	<b>486.018.493</b>	<b>57.733.562</b>
Bà Trần Thúy Quỳnh	207.716.575	12.058.630
Bà Nguyễn Thị Hương	278.301.918	45.674.932
<b>Tạm ứng</b>	<b>2.000.000.000</b>	-
Ông Phạm Trung Kiên	2.000.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>63.475.068</b>	-
Ông Phạm Trung Kiên	63.475.068	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Ông Phạm Trung Kiên	87.712.000
<b>Cộng</b>	<b>87.712.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

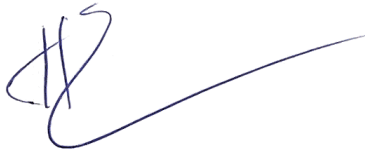
**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ chưa được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.



**Hoàng Cúc**  
Người lập



**Lê Thị Mơ**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Khoa Đức**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 11 tháng 10 năm 2021